TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 5 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

Bà Lê Thị Cúc Hoa

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 32/2021/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng K, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2021, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Trần Hoàng K trình bày: Vào năm 1982, ông và bà Nguyễn Thị L xác lập quan hệ vợ chồng. Năm 1990, ông và bà L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Trần Tuyết N, sinh 1982, Trần Cẩm L, sinh năm 1984, Trần Hoàng D, sinh năm 1987, hiện các con chung đã trưởng thành và sống tự lập.

Tài sản chung: Có, nhưng đã giao hết cho bà Nguyễn Thị L toàn quyền sử dụng, ông không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng chung sống với nhau lâu ngày mất dần tình cảm, không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương, lo lắng cho nhau trong cuộc sống hằng ngày, luôn bất đồng ý kiến. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết cũng như hàng gắn quan hệ vợ chồng được nữa, nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Nay, ông Trần Hoàng K yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về tài sản: Có, nhưng giao cho bà L sử dụng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung đã trưởng thành, sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2021, biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 22/12/2021, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông K kết hôn năm 1982, đăng ký kết hôn ngày 22/01/1990 tại Uỷ ban nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Cửu Long (nay là tỉnh Trà Vinh). Về con chung, tài sản chung thống nhất như lời trình bày của ông K.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do ông Khải có quan hệ với người đàn bà khác, nên bà cùng con có đánh ghen tại nhà của người đàn bà đó, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn không hàn gắn được, ông K bỏ gia đình ra sống riêng từ năm 2018 và ly thân từ đó cho đến nay.

Nay, bà Nguyễn Thị L yêu cầu: Bà không đồng ý ly hôn với ông Trần Hoàng K. Vợ chồng có bất đồng ý kiến, nhưng có thể hàn gắn, hai người cũng đã lớn tuổi không cần thiết phải ly hôn.

* Ý kiến của của kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật dân sự xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn, cho ông Trần Hoàng K và bà Nguyễn Thị L được ly hôn.

+ Về con chung: các con chung đều đã trưởng thành, sống tự lập, nên không đặt ra giải quyết.

+ Tài sản chung: Có, nhưng giao hết cho bà L.

+ Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do ông Trần Hoàng K và bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Khải và bà Lý.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Hoàng K và bà Nguyễn Thị L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Cửu Long (nay là tỉnh Trà Vinh) theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Sau kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và có 03 con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, hạnh phúc của ông, bà không bền vững là do bà nghi ông Khải có quan hệ với người phụ nữ khác và bà cùng với con đến nhà người đàn bà đó đánh ghen. Từ sự kiện đánh ghen đó, tình cảm vợ chồng chẳng những không được cải thiện mà mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, hai người sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Hai người bỏ mặc nhau, không còn quan tâm gì với nhau. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng của ông K và bà L thiếu tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó có cơ sở chấp nhận cho ông K được ly hôn với bà L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, sống tự lập nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Có, nhưng ông K giao hết cho bà Nguyễn Thị l sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[6] *Chấp nhận ý kiến đề nghị của kiểm sát viên tại phiên Tòa.*

[7] Về án phí: Do nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 nên không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 228, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng K

Về hôn nhân: Cho ông Trần Hoàng K được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Trần Tuyết N sinh 1982, Trần Cẩm L, sinh năm 1984, Trần Hoàng D, sinh năm 1987. Các con chung đã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có, nhưng giao hết cho bà Nguyễn Thị L sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long